**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH**

**Quý II/2024**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH (“QUỸ”)**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ **tăng** **477,46** (%) so với kỳ báo cáo ngày 30/06/2023, thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là +**6,93** (%).

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ DCIP là dựa trên cơ sở phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích cơ bản về doanh nghiệp và áp dụng chiến lược phòng vệ rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn và gia tăng lợi nhuận cho danh mục

**1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 1.668.696.694.313 Đồng Việt Nam, tương ứng với 152.206.028,79chứng chỉ Quỹ.

**1.8 Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi thành lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **30/06/2022** |
|  |  |  |  |
| Danh mục chứng khoán | 39,22% | 67,92 | 63,28 |
| Tài sản khác | 60,78% | 32,08 | 36,72 |
|  |  |  |  |
| **Cộng** | **100,00%** | **100,00%** | **100,00%** |

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **30/06/2022** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 1.668.696.694.313 | 288.870.623.140 | 361.357.528.100 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 152.206.028,79 | 28.174.430,20 | 36.261.654,34 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 10.963,40 | 10.252,93 | 9.965,27 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 10.963,40 | 10.262,02 | 9.965,56 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 10.799,21 | 10.045,50 | 9.821,35 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2,9,Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 1,53% | 2,11% | 1,51% |
| 2,9,1,Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -0,19% | 0,22% | 0,19% |
| 2,9,2, Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 1,73% | 1,89% | 1,32% |
| 2,10,Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2,11,Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2,12,Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2,13,Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1,37% | 1,72% | 1,68% |
| 2,14,Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 147,12% | 202,59% | 211,24% |

**2,3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| 1 năm | 6,93 | 6,93 |
| 3 năm | 17,48 | 5,52 |
| Từ khi thành lập | 9,63 | 1,77 |

**2,4, Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **30/06/2022** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/ 1 đơn vị CCQ | 6,93% | 2,89% | 6,78% |

*\* Ghi chú: Từ ngày 21/05/2021, Quỹ đổi tên từ VFMVFC thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cố định DC (DCIP) và thay đổi chiến lược đầu tư từ danh mục đa dạng bao gồm cổ phiếu và trái phiếu sang danh mục đầu tư mang tính bảo toàn cao chỉ gồm các công cụ chứng khoán nợ (tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, ,,,) ; các chỉ số bao gồm giai đoạn trước ngày 21/05/2021 chỉ mang tính báo cáo, không mang tính đại diện cho hoạt động thực tế của quỹ,*

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, thị trường vàng đã có thời điểm tăng trưởng nóng, tạo áp lực lên các yếu tố vĩ mô; tuy nhiên, những áp lực trên thị trường vàng đã dần được tháo gỡ khi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tổ chức bán vàng qua các ngân hàng quốc doanh, Động thái này đã giúp ngăn tâm lý đầu cơ vàng cũng như tỷ giá, Các chỉ số vĩ mô đã thể hiện những tín hiệu tích cực, Tăng trưởng GDP đạt 6,9%, đánh dấu quý thứ 11 tăng trưởng liên tục, Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tăng mạnh lên mức tích cực 54,7, cho thấy các điều kiện kinh doanh được củng cố đáng kể, Lạm phát giữ mức ổn định với mức tăng 4,34% so với cùng kỳ năm trước, Cán cân thương mại trở lại ấn tượng với mức thặng dư 11,63 tỷ USD tính từ đầu năm, Vốn đầu tư nước ngoài FDI cũng có những tín hiệu tích cực cả về số đăng ký mới lẫn số giải ngân, đạt tương ứng lần lượt 15,19 tỷ USD và 10,84 tỷ USD, đánh dấu mức tăng trưởng 13,1% và 8,2%,

Về góc độ điều hành chính sách, Việt Nam chủ trương giữ mặt bằng lãi suất chung ổn định với lãi suất cho vay phần lớn giữ nguyên không đổi so với cuối năm 2023 mặc dù lãi suất huy động nhìn chung đã tăng 0,5% đến 1% ở nhiều kỳ hạn khác nhau, Việc tiền Đồng mất giá gần đây so với đồng USD (4,8% tính từ đầu năm) có thể khiến các chính sách tiền tệ có tác động mờ nhạt, và làm tăng vai trò của các chính sách tài khóa trong nửa đầu năm 2024, Giải ngân đầu tư công vẫn chưa thể hiện được đúng vai trò, chỉ đạt 27,5% kế hoạch trong nửa đầu năm, đồng nghĩa với dư địa lớn cho việc giải ngân trong thời gian còn lại của năm, Bên cạnh đó, hàng loạt các chính sách tài khóa như việc duy trì giảm các loại thuế quan, tăng 30% đối với lương cơ bản, tăng 6% với lương tối thiểu đã và đang là động lực giúp gia tăng sức mua trong nửa cuối năm 2024,

A screenshot of a green and white table

Description automatically generated

Đối với Trái phiếu Chính phủ (TPCP), trong 6 tháng đầu 2024 có 111 đợt phát hành với tổng giá trị phát hành thành công đạt 156,502 nghìn tỷ đồng, đạt 39% kế hoạch phát hành cả năm với tỷ lệ trúng thầu bình quân 60%, Xu hướng tăng lãi suất trên thị trường sơ cấp và việc dư thừa thanh khoản trong hệ thống ngân hàng do khó khăn trong việc tăng trưởng tín dụng đã giúp thúc đẩy nhu cầu đối với TPCP, đặc biệt với kỳ hạn dài,

Trên thị trường thứ cấp, tổng khối lượng giao dịch thông tường (Outright) trong 6 tháng đạt mức cao 802,40 nghìn tỷ đồng, tương đương 6,54 nghìn tỷ đồng/ ngày và tăng 81% so với cùng kỳ năm trước, Khối lượng giao dịch mua bán lại (REPO) cũng nằm ở mức cao, tăng 82% so với tháng trước lên mức 429,87 nghìn tỷ đồng, phản ánh sự gia tăng nhu cầu đối với TPCP trên thị trường thứ cấp khi lãi suất quay về mức hợp lý,

Quý 2/2024, đặc biệt là tháng 6, quãng thời gian ghi nhận sự tăng trưởng trở lại của việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) sau Quý 1/2024 có phần trầm lắng, Trong tháng đã có 30 đợt phát hành riêng lẻ và 3 đợt phát hành ra công chúng với tổng giá trị đạt 42,1 nghìn tỷ đồng, tăng 150% so với số liệu báo cáo và 41% so với giá trị được cập nhật vào tháng 5 (đã có 15 trái phiếu cùng tổng giá trị 13,15 nghìn tỷ đồng được báo cáo bổ sung), Sự hồi phục này được dẫn dắt bởi nhóm ngành ngân hàng, với 24 TPDN đạt tổng giá trị 38,47 nghìn tỷ đồng, tương ứng 91% tổng khối lượng phát hành mới trong tháng, Điều này đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ của nhóm phát hành lớn nhất trong năm 2023 và đồng thời gia tăng nguồn cung trên thị trường sơ cấp, Tính từ đầu năm, có 112 TPDN mới phát hành với tổng giá trị đạt 118,05 nghìn tỷ đồng, tương đương 40% tổng lượng phát hành trong năm 2023, Nhóm ngành ngân hàng đã vượt lên vị trí dẫn đầu, đóng góp 62% giá trị phát hành mới, Kế đến là nhóm ngành bất động sản với 26% và nhóm ngành xây dựng với 4% tổng giá trị phát hành, Các ngành khác bao gồm vận tải, dịch vụ tiêu dùng, chứng khoán … đóng góp 8% còn lại,

Về góc độ phát triển thị trường, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đã và đang rất năng động trong việc đưa ra các xếp hạng tín nhiệm đầu tiên đối với tổ chức phát hành và TPDN, Điều này được kỳ vọng là một trong những yếu tố then chốt, giúp thay đổi chất lượng thị trường TPDN, Với sự khởi đầu khả quan trong quý 2, thị trường TPDN được kỳ vọng sẽ ấm dần trong các tháng tiếp theo của năm,

A green and white chart

Description automatically generated

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4,1, Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
|  |  |  |  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 5,06% | 7,74% | 7,14% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 1,87% | 9,73% | 2,50% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 6,93% | 17,48% | 9,63% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 6,93% | 5,52% | 1,77% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) | N/A | N/A | N/A |
|  |  |  |  |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **Tỷ lệ thay đổi** |
|  | **(1)** | **(2)** | **(3)=((1)-(2))/(2)** |
|  |  |  |  |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 1.668.696.694.313 | 288.870.623.140 | 477,66% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 10.963,40 | 10.252,93 | 6,93% |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Vào thời điểm 30 tháng 06 năm 2024, giá trị tài sản ròng của quỹ DCIP là 10,963,41 đồng/ CCQ, tăng 2,75% so với đầu năm, Trong nửa đầu 2024 , DCIP đạt được mức tăng trưởng cao hơn mức tăng 0,99% của tiền gửi 3 tháng trung bình từ nhóm 4 ngân hàng lớn nhất,

Mức tăng lãi suất của Quỹ trong 6 tháng đầu năm đến từ việc Quỹ kịp thời tái đầu tư các khoản đáo hạn với lãi suất cao hơn, So với mức lãi suât đang thấp của tiền gửi tham chiếu ( lãi suất 3 tháng) thì Quỹ đang có lợi thế tốt vì có thời gian danh mục thấp nên có nhiều cơ hội tái đầu tư với lãi suất cao,

Với danh mục hiện tại, lợi nhuận của Quỹ được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức ổn định và đảm bảo khả năng thanh khoản của Quỹ,

**4,2, Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ**  **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5,000 | 18.753 | 2.106.726,87 | 1,38% |
| Từ 5,000 đến 10,000 | 258 | 2.066.299,68 | 1,36% |
| Từ 10,000 đến 50,000 | 529 | 14.540.466,58 | 9,55% |
| Từ 50,000 đến 500,000 | 475 | 69.747.491,39 | 45,83% |
| Trên 500,000 | 35 | 63.745.044,27 | 41,88% |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **20.050** | **152.206.028,79** | **100,00%** |

**4,3, Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ DCIP, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ DCIP với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ,

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cập dịch vụ cho Quỹ,

**5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Tình hình lãi suất tại Việt Nam trong năm 2023 giảm và ở mức thấp trong vòng 3 năm, Tuy nhiên, với lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao trong 6 tháng đầu 2024, lãi suất tại Việt Nam dịch chuyển theo chiều đi lên và chịu áp lực gia tăng dưới tác động của tỷ giá và lãi suất toàn cầu,

Đối với TPCP, với mức chênh lệch lãi suất giữa USD và VND trên thị trường liên ngân hàng vẫn nằm ở mức cao và có khả năng tiếp tục duy trì do chính sách tiền tệ của Mỹ, cũng như việc tăng giá của đồng USD trên thị trường thế giới, NHNN chịu áp lực trong việc tăng lãi suất, và tạo điều kiện cho xu hướng tăng của lãi suất TPCP trong thời gian tới,

Đối với TPDN, trong Quý 1/2024, thị trường có dấu hiệu trầm lắng khi mà lượng phát hành mới nằm ở mức thấp, Nguyên nhân của sự trầm lắng này là do ảnh hưởng mang tính vụ mùa của kỳ nghỉ Tết và báo cáo năm tài chính, Tuy nhiên, trong Quý 2/2024, thị trường ghi nhận sự tăng trưởng trở lại với sự sôi động của việc phát hành trái phiếu dẫn dắt bởi nhóm ngành ngân hàng, Trong nửa cuối 2024, thị trường có khả năng tiếp tục sôi động trong thời gian tới khi tín dụng được đẩy mạnh và nền kinh tế dần phục hồi,

Về góc độ phát triển thị trường, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đã và đang rất năng động trong việc đưa ra các xếp hạng tín nhiệm đầu tiên đối với tổ chức phát hành và TPDN, Điều này được kỳ vọng là một trong những yếu tố then chốt, giúp thay đổi chất lượng thị trường TPDN, Với sự khởi đầu khả quan trong quý 2, thị trường TPDN được kỳ vọng sẽ ấm dần trong các tháng tiếp theo của năm,

1. **THÔNG TIN KHÁC**

**Nhân sự điều hành của Quỹ gồm có:**

* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế,
* Từ 2010 đến 12/3/2021: Phó Tổng Giám đốc – Khối Đầu tư Nghiên cứu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam,
* Từ 12/3/2021 đến nay: Giám đốc Quản lý Tài sản, Khối Trong nước của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam,

- Ông Nguyễn Sang Lộc, Cử nhân Tài chính,

* Từ 16/4/2016 đến 31/12/2016: Chuyên viên Nghiên cứu cấp cao – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam,
* Từ 1/1/2017 đến 31/12/2020: Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam,
* Từ 1/1/2021 đến nay: Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam,

**Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

* Bà Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
* Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng Giao dịch Chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán dầu khí,
* Từ 2012 đến 2020: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam,
* Từ 2020 đến nay: Hưu trí
* Bà Vương Thị Hoàng Yến, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán,
* Từ 8/2004 đến 11/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Dệt Minh Thắng,
* Từ 12/2007 đến 4/2012: Kiểm toán viên, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán AS,
* Từ 9/2012 đến 5/2013: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán FA,
* Từ 2013 đến 9/2016: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín
* Từ 10/2016 đến 12/2019: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín,
* Từ 1/2020 đến nay: Giám đốc Nghiệp vụ Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng,
* Bà Trần Ngọc Hân, Thành viên, Thạc sỹ luật- Luật sư, Bà hiện là Chuyên viên cao cấp phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

**Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

* Ông Beat Schurch, Tổng Giám đốc,
* 8/ 1996 - 7/ 2002: DKSH Vietnam, Giám đốc phụ trách thị trường Việt Nam, Campuchia
* 12/ 2002 - 2/ 2004: Lanamatic Asia, Đại diện thường trú tại Thái Lan
* 3/ 2004 - 8/ 2006: Synovate Thailand, Trưởng bộ phận tư vấn kinh doanh
* 9/2006 - 3/ 2009: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc Tài chính
* 4/ 2009 - 1/ 2010: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc điều hành, bộ phận Vốn cổ phần
* 3/ 2010 - 3/ 2011: Dragon Capital Group: Giám đốc, phụ trách vận hành
* 4/ 2011 - 12/ 2016: VPĐD Dragon Capital Group Ltd tại Tp HCM: Trưởng Đại diện
* 12/ 2016 - 12/ 2020: VPĐD Dragon Capital Management (HK) Ltd tại Tp HCMC: Trưởng đại diện
* 12/ 2020 - nay: Tổng Giám đốc, công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Tp,HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2024

**Quyền Giám đốc nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**

**Lê Hoàng Anh**